

## Conversation 1:

**Situation:** *A and B are university friends. [Tình huống: A và B là bạn đại học.]*

A: So what kind of food do you cook?

[A: *Vậy bạn hay nấu loại thức ăn gì?*]

B: Well I often make pasta.

[B: *Tôi thường làm mì ống.*]

A: Really? How often do you cook it?

[A: *Thật sao? Anh có thường nấu nó không?*]

B: Almost everyday.

[B: *Gần như mỗi ngày.*]

A: Really? Can you cook Chinese food?

[A: *Thật sao? Bạn biết nấu món Trung Quốc không?*]

B: Yeah! I sometimes make sweet and sour pork.

[B: *Có. Thỉnh thoảng tôi làm thịt lợn chua ngọt.*]

A: Wow! That's expensive.

[A: *Wow! Cái này đáng giá quá.*]

## Conversation 2:

**Situation:** *Andrew shows Jane how to cook rice. [Andrew dạy Jane nấu cơm.]*

**Andrew:** There are lots of different varieties of rice grown in the world.

[*Có rất nhiều loại gạo khác nhau trồng trên thế giới.*]

**Jane:** What type of rice are we cooking?

[*Chúng ta đang nấu gạo loại gì vậy?*]

**Andrew:** This is long grained rice. It was grown in South East Asia.

[*Đây là gạo cứng. Nó được trồng ở Đông Nam Á.*]

**Jane:** On the packet it says, easy cook. Why is it different from other sorts of rice?

[*Trong túi có ghi là nấu rất dễ. Tại sao nó khác với loại gạo khác?*]

**Andrew:** That is because it is par-boiled and so takes less time to cook.

[*Đó là bởi vì nó thường được nấu ít thời gian hơn.*]

**Jane:** The water in the pan is boiling. What do we do next?

[*Nước trong chảo đang sôi. Chúng ta làm gì tiếp đây?*]

**Andrew:** Measure out enough grain for two people.

*[Đo đủ gạo cho 2 người ăn.]*

**Jane:** It suggests 75 grams per person.

*[Tầm 75 gam mỗi người.]*

**Andrew:** Place the rice in a sieve and wash it in cold water and then put the rice into the boiling water. *[Đặt gạo vào một cái sàng, rửa nó trong nước lạnh rồi cho cơm vào nước sôi.]*

**Jane:** Shall I stir it? *[Tôi khuấy lên nhé?]*

**Andrew:** Only stir it once then put the lid on the pan and reduce the heat and simmer until the rice turn brown. *[Chỉ cần khuấy nó một lần sau đó đậy nắp lại và giảm nhiệt và trộn cho đến khi gạo chuyển màu nâu.]*

**Jane:** How long does that take? *[Việc đó mất bao lâu?]*

**Andrew:** About 15 minutes. Then we must drain off the water, rinse with more boiling water and then we can enjoy it.

*[Khoảng một phút. Sau đó chúng ta phải xả nước, rửa nước với nhiều nước sôi hơn và sau đó chúng ta có thể thưởng thức nó.]*

### Conversation 3:

**Situation:** A and B are roommate.

A: I was thinking about cooking dinner tonight.

*[A: Tôi đã nghĩ về việc nấu bữa tối tối nay.]*

B: What do you want to make?

*[B: Bạn muốn làm gì?]*

A: I'm not exactly sure.

*[A: Tôi cũng chưa biết chắc]*

B: I wouldn't mind a beef bowl.

*[B: Tôi sẽ không ngại nếu được ăn 1 tô thịt bò.]*

A: How do I make that?

*[A: Món đó nấu như thế nào?]*

B: All it has is rice and teriyaki beef.

*[B: Tất cả những gì cần có là cơm và thịt bò teriyaki.]*

A: That sounds easy, but how do I make it?

*[A: Nghe có vẻ dễ dàng, nhưng làm thế nào?]*

B: First, you need to make some white rice.

*[B: Đầu tiên, bạn cần làm một ít gạo trắng.]*

A: Then what do I do?

*[A: Sau đó tôi phải làm gì?]*

B: Then you need to shred some beef and marinate it with teriyaki sauce.

*[B: Sau đó, bạn cần cắt nhỏ một ít thịt bò và ướp với sốt teriyaki]*

A: Is there anything else I need to do?

*[A: Tôi cần làm không?]*

B: Then you cook it up and eat it.

*[B: Sau đó bạn nấu nó lên và ăn thôi.]*



IRIS ENGLISH